

Số: 250/CK-MNHH

Đồng Xoài, ngày 19 tháng 6 năm 2025

CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI
Năm học 2024 - 2025

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Hoa Hồng

1.2. Địa chỉ trụ sở chính: khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Điện thoại:

Địa chỉ thư điện tử:

Trang thông tin điện tử của trường: <http://mnhoahong.dongxoai.edu.vn>

1.3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Giáo dục mầm non

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

* **Sứ mạng:** xây dựng một nhà trường có tính kỷ cương, nề nếp, dân chủ. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đoàn kết, yêu thương, hỗ trợ và phối hợp tích cực với nhau trong công việc. Mỗi cá nhân luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm làm việc chủ động, tích cực, sáng tạo, hiệu quả. Đề cao tính trung thực, khách quan, tất cả cùng hướng đến sự phát triển chung của nhà trường.

* **Tầm nhìn:** trong thời gian tới Trường Mầm non Hoa Hồng phấn đấu là một ngôi trường hàng đầu trên địa bàn về xanh, sạch, đẹp, thân thiện, chất lượng và hiệu quả. Nơi cha mẹ trẻ và nhân dân tin cậy. Một môi trường làm việc để giáo viên được cống hiến, sáng tạo và trẻ luôn được yêu thương, được vui chơi, học tập phù hợp với nhu cầu và sở thích, trẻ được đảm bảo an toàn. Trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, tự tin và có những kỹ năng cơ bản để phục vụ cuộc sống. Trường có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển một cách toàn diện.

* **Mục tiêu:** ổn định, phát triển, xây dựng nhà trường có uy tín về mọi mặt, tiến tới tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại, đạt các mức độ theo quy định của kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức độ 3 và trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2028.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Mầm non Hoa Hồng được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2001 theo Quyết định số 30/2001/QĐ-UB ngày 15/8/2001 của Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài), tại khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Trường đặt ở vị trí trung tâm nên thuận tiện cho cha mẹ trẻ đưa đón trẻ đến trường, với tổng diện tích 6.583.20 m². Từ khi thành lập đến nay trường được trang bị đồng bộ CSVC, trang thiết bị đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu quy định. Hàng năm nhà trường đón nhận trên 500 trẻ em đến học tại trường và được phân bổ đều các lớp học theo các độ tuổi quy định. Đảm bảo về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Trần Thị Yến Anh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: số 129 đường Lê Duẩn, khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại:

Địa chỉ thư điện tử: ycnanhhc@gmail.com

1.7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: 30/2001/QĐ-UB ngày 15/8/2001 của Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài) (kèm theo Quyết định).

b) Quyết định công nhận hội đồng trường: theo quyết định số 739/QĐ-PGDĐT, ngày 14/9/2021 của UBND thành phố Đồng Xoài (kèm theo Quyết định và danh sách).

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng: theo Quyết định số Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND TP Đồng Xoài (kèm theo Quyết định).

Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng 1: theo Quyết định theo Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2022 của thành phố Đồng Xoài (kèm theo Quyết định).

Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng 2: theo Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của thành phố Đồng Xoài (kèm theo Quyết định).

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

1.8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

2. Đội ngũ giáo dục

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Không đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	56													
I	Giáo viên	37			35	2				13	24				
1	Nhà trẻ	3			3					1	2				
2	Mẫu giáo	34			32	2				12	22	36		1	

II	Cán bộ quản lý	3													
1	Hiệu trưởng	1		1								1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2							2			
III	Nhân viên	16			2		1	13							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	14			1										

3. Thông tin về cơ sở vật chất:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	17	Nhà trẻ: 25 trẻ/1 phòng Mẫu giáo: 31 trẻ/1 phòng
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	17	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng diện tích sử dụng (m²)	6.583,20 m²	12,58 m/trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.000 m²	1.912 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	m²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1.105 m ²	2.11 m ² /trẻ

2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	1.105 m ²	2,11 m ² /trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	204,5 m ²	0,39 m ² /trẻ
4	Diện tích sân chơi (m ²)	527,85 m ²	1 m ² /trẻ
5	Diện tích sảnh giáo dục thể chất (m ²)	30 m ²	0,057 m ² /trẻ
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	102 m ²	0,19 m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	269,85 m ²	0,515 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	17	
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14.011	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	1.623	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	32	
IX	Tổng số thiết bị, điện tử, tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số...)	19	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	0	

		Số lượng (m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	28	14	0.39	0.39
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		

* Theo Quyết định số 52/2021/QĐ-BGDDT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày

24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

4. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục: kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: năm học 2024 – 2025 nhà trường tiếp tục chỉ đạo cải tiến chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá. Lưu trữ hồ sơ, xây dựng cơ sở vật chất, nâng chất lượng các tiêu chuẩn, rà soát các chỉ số, tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm thực hiện quy trình và đúng tiến độ đánh giá chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục, hiệu quả đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trong thực hiện kế hoạch, các biện pháp cải tiến và đảm bảo chất lượng giáo dục.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: đơn vị được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, theo Quyết định số 2808/QĐ-GDDT-KTKĐCLGD ngày 28 tháng 8 năm 2023.

5. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

5.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh: Thực hiện theo Kế hoạch số 221/KH-MNHH ngày 02/7/2024 về kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 - 2025 với các độ tuổi từ 2 tuổi đến 5 tuổi (Kèm kế hoạch)

b) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục được công khai tại bảng tuyên truyền và thực hiện theo kế hoạch đầy đủ (Kèm kế hoạch)

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội: theo Nghị quyết số 03/NQ- BĐDCMTE năm học 2024 - 2025 và Kế hoạch số 02/KH-BĐDCMTE ngày 20/9/2024 của Ban đại diện cha mẹ trẻ (Kèm kế hoạch)

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em: được công khai vào thứ 6 tuần trước trên trang Website của nhà trường và công khai trên nhóm zalo của các lớp, dán trên bảng tuyên truyền của các nhóm, lớp.

5.2. Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trẻ em của năm học 2024-2025:

Năm học	Trẻ nhẹ cân	Trẻ thừa cân	Trẻ thấp còi
---------	-------------	--------------	--------------

	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
2024 -2025	19/509 (3,73%)	2/523 (0,38%)	24/509 (4,72%)	7/523 (1,34%)	6/509 (1,18%)	1/523 (0,19%)

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp: số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp: 523 trẻ/2711 nữ/05 dân tộc/04 nữ dân tộc.

b) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 523 trẻ

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 523 trẻ

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 523 trẻ

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi: 230 trẻ

g) Số trẻ em khuyết tật: 01 trẻ

5.3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài). (không)

6. Kết quả thu, chi tài chính

6. Kết quả Thu, chi tài chính

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ LIỆU			GHI CHÚ
		Năm học 2024-2025	Dự kiến năm học 2025- 2026	Dự kiến năm học 2025- 2026	
I	Ngân sách nhà nước				Báo theo năm ngân sách 2024
1	Kinh phí giao tự chủ	9,063,648,207			
2	Kinh phí tự chủ đã sử dụng trong năm	9,063,648,207			
2.1	Chi tiền lương và thu nhập	8,414,465,155			
2.2	Chi hỗ trợ người học	2,400,000			
2.3	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	400.258,362			
2.4	Chi khác	246,524,690			
3	Kinh phí giao không tự chủ	14,630,000			
4	Kinh phí giao không tự chủ đã sử dụng trong năm	14,040,000			
4.1	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	14,040,000			
4.2	Chi hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ				

	em				
4.3	Chi hỗ trợ chi phí học tập				
II	Nguồn học phí				
	Mức thu /1 hs/tháng	60.000			
a	Số liệu học sinh				
1	Tổng số học sinh	535			
2	Mức thu/hs/năm học:	540,000			
3	Trong đó:				
4	Trường hợp miễn 100%	209			lớp lá
5	Trường hợp giảm 50%	0			
b	Nguồn thu, chi				
1	Tồn đầu kỳ	3,580,605			Bảo theo năm ngân sách 2024
2	Tổng thu	364,760,000			
3	Tổng chi	366,528,215			
	Trong đó:				
	- Chi tiền lương và thu nhập	145,304,000			
	- Chi hỗ trợ người học				
	- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	151,791,242			
	- Chi khác	69,432,973			
4	Tồn cuối kỳ	1,812,390			
III	Chế độ chính sách của học sinh				
1	Tổng số học sinh	1			
2	Số tiền miễn, giảm học phí				
3	Số tiền hỗ trợ chi phí học tập	1,350,000			
4	Số tiền hỗ trợ ăn trưa	1,440.000			
IV	Nguồn thu CSSKBĐ				
1	Tổng số học sinh toàn trường	523			Bảo theo năm ngân sách 2024
2	Số học sinh được BHYT	523			
3	Tỷ lệ %	100			
	Tồn đầu kỳ	334.215			
4	Tổng số kinh phí được trích lại KCB	51.947.477			

5	Số kinh phí đã sử dụng trong năm	23,857,666			
6	Số kinh phí tồn chuyển năm sau	28,424,026			
V	NGUỒN THU THỎA THUẬN				
A	Nguồn thu phí học bán trú				
1	Mức thu /1 hs/tháng	255,000	255,000	255,000	
2	Số tháng thu	8.5			
3	Số tiền thu/hs/năm:	2,167,500			
4	Tồn đầu kỳ	792,245			
5	Tổng thu	1,223,441,164			
6	Tổng chi	1,224,080,776			
7	Trong đó:				
	- Chi tiền lương và thu nhập	879,444,290			
	- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	235,864,215			
	- Chi hỗ trợ người học				
	- Chi khác	108,772,271			
	Tồn cuối kỳ	152,633			
B	Nguồn thu quỹ PVHT -Vệ sinh trường lớp				
1	Mức thu /1 hs/tháng	35,000	35,000	35,000	
2	Số tháng thu	9			
3	Mức thu /1 hs/năm	315,000			
4	Tồn đầu kỳ	207,644			
5	Tổng thu	165,073,842			
6	Tổng chi	164,645,300			
7	Tồn cuối kỳ	636,186			
C	Nguồn thu giữ xe				
1	Mức thu /1 hs/tháng	25,000	25,000	25,000	
2	Số tháng thu	8.5			
3	Mức thu /1 hs/năm	212,500			
4	Tồn đầu kỳ	60			
5	Tổng thu	106,221,956			

6	Tổng chi	106,220,775			
7	Tồn cuối kỳ	1,241			
D	Nguồn thu quỹ tiền ăn				Tự nguyện đăng ký ăn bán trú
1	Mức thu /1 hs/ngày	37,000	37,000	37,000	
2	Mức thu /1 hs/tháng	Tùy theo số ngày thực tế ăn của trẻ			
3	Tồn đầu kỳ	1,722,761			
4	Tổng thu	3,052,328,287			
5	Tổng chi	3,051,043,304			
6	Tồn cuối kỳ	3,007,744			
E	Nguồn thu phí dịch vụ phục vụ trẻ ăn sáng				
1	Mức thu /1 hs/tháng	110,000	120,000	120,000	
2	Số tháng thu	8.5			
3	Mức thu /1 hs/năm	935,000			
4	Tồn đầu kỳ	742			
5	Tổng thu	521,003,160			
6	Tổng chi	520,910,809			
7	Tồn cuối kỳ	93,093			
F	Nguồn thu nước uống				
1	Mức thu /1 hs/tháng	15,000	15,000	15,000	
2	Số tháng thu	8.5			
3	Mức thu /1 hs/năm	127,500			
4	Tồn đầu kỳ	485,139			
5	Tổng thu	66,842,046			
6	Tổng chi	66,925,736			
7	Tồn cuối kỳ	401,449			
VI	NGUỒN THU TỰ NGUYỆN				
A	Nguồn thu phí dịch vụ phát triển năng khiếu trẻ Aerobic				
1	Mức thu /1 hs/tháng	110,000	110,000	110,000	
2	Số tháng thu	9			

3	Số tiền thu/hs/năm:	900,000			
4	Tồn đầu kỳ	0			
5	Tổng thu	274,071,955			
6	Tổng chi	274,068,100			
7	Tồn cuối kỳ	3,855			
B	Nguồn thu phí học Tiếng Anh				
1	Mức thu /1 hs/tháng	115,000	115,000	115,000	
2	Số tháng thu	9			
3	Số tiền thu/hs/năm:	1.035,000			
4	Tồn đầu kỳ	0			
5	Tổng thu	214,836,677			
6	Tổng chi	214,833.600			
7	Tồn cuối kỳ	3,077			

7. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

7.1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt nội dung Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các phong trào thi đua của ngành học và chính quyền địa phương phát động góp phần nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Triển khai có hiệu quả và sáng tạo phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện - Học sinh tích cực” gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”. CB-GV-NV trong nhà trường không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, luôn quan tâm và yêu thương trẻ, trách nhiệm, tận tâm, yêu thương học sinh, xây dựng lối sống trong sạch, lành mạnh, tác phong mẫu mực mô phạm; tích cực trong học tập, bồi dưỡng, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao mức đạt được trong chuẩn nghề nghiệp, chuẩn cán bộ quản lý; đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Mỗi Cán bộ , đảng viên, giáo viên xây dựng, lồng ghép những bài học về Bác trong các buổi sinh hoạt trong tháng và lồng ghép vào các hoạt động dạy trẻ theo chủ đề để truyền đạt đến trẻ một cách nhẹ nhàng. Đây là nơi để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập thường xuyên, liên tục.

Kết quả:

- Chi bộ đạt “Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024”.

Tập thể trường và 01 cá nhân được UBND phường Tân Bình khen thưởng “Đã có thành tích tiêu biểu trong thực hiện Chỉ thị số 05-KI/TW của Bộ Chính trị” (Quyết định số 79-QĐ/ĐU ngày 19/5/2025).

Có 06 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024, trong đó có 05 đảng viên được Đảng ủy phường tặng giấy khen, 01 đảng viên được Tỉnh ủy tặng bằng khen..

7.2. Tăng cường chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giáo dục và đào tạo (GDĐT); tăng cường các điều kiện đảm bảo và kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy và học trực tuyến, trên truyền hình và kiểm tra, đánh giá

- Nghiên cứu, học hỏi trao đổi kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin qua các đồng nghiệp. Phát động đội ngũ CB, GV, NV tìm hiểu về các tính năng cũng như ứng dụng của các phần mềm, khai thác tốt các ứng dụng nhằm phát huy được các chức năng trong hoạt động tạo ra các giáo án điện tử và lưu trữ tài liệu dùng chung đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho giáo viên khi góp ý dự giờ chuyên môn.

- Khai thác các ứng dụng của Google, ứng dụng sử dụng khi lưu trữ an toàn, tin cậy và giúp đội ngũ tham khảo cũng như có chế độ chỉnh sửa, cập nhật thông kê qua ứng dụng Google Drive, trang tính, gmail...Chức năng liên kết đường link với nhiều chức năng thao tác với dữ liệu...

- Nâng cao chất lượng qua hoạt động dự giờ, họp tổ chuyên môn nhằm kịp thời đề xuất nội dung bồi dưỡng, giáo viên chuyên ngành công nghệ thông tin đến bồi dưỡng, giúp giáo viên có thêm kiến thức, kỹ năng trong việc ứng dụng, khai thác thực hiện giáo án điện tử và sử dụng hiệu quả các ứng dụng trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

- Công tác xây dựng cơ sở vật chất, tăng dung lượng đám mây google chứa dữ liệu dùng chung và kết nối mạng internet, cục phát wifi cho các điểm trường, khai thác sao cho hiệu quả nhằm sử dụng tối đa chức năng của tài khoản dữ liệu dùng chung, cũng được trang bị kịp thời nhằm tổ chức tốt, hiệu quả hơn khi tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động hội họp trực tuyến cần ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tổ chức hội thi thiết kế giáo án điện tử, duy trì và phát triển năng lực của giáo viên trong việc thiết kế, sưu tầm lưu trữ thành kho tài nguyên nhằm giúp cho đội ngũ có thêm tài liệu tham khảo, hình ảnh, âm thanh...sử dụng cho việc thực hiện các giáo án điện tử dạy học.

- Phát động, đề xuất khen thưởng khi giáo viên xây dựng được giáo án hay, sưu tầm được nguồn tài nguyên phong phú cho kho dữ liệu dùng chung của nhà trường.

*** Hiệu quả**

Sáng kiến trong công tác CCHIIC năm 2024 của đơn vị được hội đồng xét công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến thành phổ thông qua, trong đó có 01 sáng kiến được giải khuyến khích, 02 sáng kiến cải tiến công tác CCHC được áp dụng có hiệu quả tại đơn vị.

7.3. Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, hiệu lực, hiệu quả, thể hiện trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục

- Trường Mầm non Hoa Hồng thực hiện đổi mới quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong điều hành, hoạt động nhà trường.

- Phân công cho QL và nhân viên phụ trách các phần mềm nhằm kịp thời cập nhật cơ sở dữ liệu, quản lý hồ sơ nhà trường.

- Phân công cho các phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn trong hoạt động chăm sóc giáo dục tại trường.

7.4. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 và Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”

- 100% CB-GV thực hiện đánh giá mô hình học tập năm 2024.

- Nhà trường phát động phong trào tự học trong đội ngũ, hằng năm có hỗ trợ một phần kinh phí cho nhân viên tham gia học bồi dưỡng kỹ năng nghề và bồi dưỡng an ninh quốc phòng.

7.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

- Hội thi giáo viên giỏi cấp trường: tổng số giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp trường: 28/38d/c tỷ lệ 73.68%; đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường 28/28 giáo viên dự thi, tỷ lệ 100%. Số giáo viên đạt giải: 03 giải Nhất, 04 giải Nhì, 05 giải Ba, 13 giải KK.

- Tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố đạt 10/10 giáo viên tham gia dự thi, trong đó đạt 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải khuyến khích.

- 100% CBQL, GV tham gia lớp bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng hè, bồi dưỡng chính trị và chuyên đề do TP tổ chức.

7.6. Thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động; tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, đền ơn đáp nghĩa cho nhà giáo, người lao động

- CBQL chỉ đạo, phát động hội thi viết sáng kiến: có 13 sáng kiến được công nhận cấp thành phố. Có 01 sáng kiến cải cách hành chính được giải khuyến khích cấp thành phố.

- Năm 2024 - 2025: Thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

- 100% CB, GV, NV thực hiện tốt phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với các phong trào thi đua do các cấp phát động. Trong năm không có cá nhân vi phạm qui chế chuyên môn, đạo đức nhà giáo.

- 100% CB, GV có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, lành mạnh, trách nhiệm đối với học sinh.

- 41/41 CB, GV tham gia học tập bồi dưỡng chính trị hè năm 2024.

- 01 CBQL tham gia lớp Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức năm 2024 đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc Đối tượng 4.

- 40/40 CBQL và giáo viên tham gia học bồi dưỡng thường xuyên.

- Nhà trường đã tạo điều kiện cho trẻ tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục, thể thao trong trường học và các khối thi đua như:

+ Tổ chức cho trẻ diễn văn nghệ chào mừng ngày sinh nhật Bác và tổ chức cho trẻ 5 tuổi tham quan Trường tiểu học Tân Bình.

+ Tham gia vào các lễ hội tại trường như: lễ hội bé đến trường; hoạt động trải nghiệm bé vui tết Trung Thu; hoạt động trải nghiệm tri ân thầy cô nhân ngày 20/11, lễ hội chúc mừng cô nhân ngày 20/11; trang trí ngày Tết - Xuân Ất Tỵ 2025, hoạt động trải nghiệm bé vui đón tết, các con được cùng cô giáo gói bánh chưng, trang trí hoa mai, hoa đào, đồ chữ thư pháp, làm câu đối... Hoạt động làm thiệp, trang trí chậu, trồng cây tặng mẹ chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3; 20/10, tổ chức ngày hội tiếng Anh, giỗ tổ Hùng Vương, ngày 30/4.

- Nhà trường thực hiện tiết kiệm chi để hỗ trợ mỗi CB, GV, NV 01 phần quà chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, đền ơn đáp nghĩa cho nhà giáo, người lao động trong đơn vị khi Tết sắp đến.

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp: Phương pháp Montessori và Stem/Steam.

- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Ngôn ngữ Việt Nam và tiếng Anh.

Trên đây là các nội dung công khai theo TT 09/2024/TT-BGDDT của Trường Mầm non Hoa Hồng năm học 2024 - 2025./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- CB, GV, NV trong trường (để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Yến Anh

